

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội

VĐL: 50.000.000.000 VND

-----*



TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 4 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

(Ngày 15/4/2016 tại Công ty cổ phần Viên thông Telvina Việt Nam từ 8^h00' đến 12^h00')

TT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	NGƯỜI TRÌNH BÀY	THỜI LƯỢNG
I	ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU - KHAI MẠC		
1	Đón tiếp Đại biểu	Ban tổ chức	7h30' - 8h00'
2	Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của cổ đông đăng ký tham dự Đại hội	Ban Kiểm soát	8 ^h 00' - 8 ^h 15'
3	Khai mạc - Tuyên bố lý do	Chủ tịch HĐQT	
4	Giới thiệu và bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	Chủ tịch HĐQT	
5	Giới thiệu và thông qua Quy chế biểu quyết	Trưởng Ban Kiểm phiếu	
II	NỘI DUNG ĐẠI HỘI - THẢO LUẬN VÀ THÔNG QUA		
1	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2015 và phương hướng hoạt động 2016.	Tổng Giám đốc	8 ^h 15' - 9 ^h 00'
2	Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2015.	Tổng Giám đốc	
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015.	Chủ tịch HĐQT	9 ^h 00' - 9 ^h 45'
4	Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2015.	Chủ tịch HĐQT	
5	Thông qua quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viên thông Telvina Việt Nam.	Chủ tịch HĐQT	9 ^h 45' - 10 ^h 30'
6	Thông qua việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.	Chủ tịch HĐQT	
7	Thông qua Báo cáo kiểm soát năm 2015 và kế hoạch 2016 của Ban Kiểm soát.	Ban Kiểm soát	10 ^h 30' - 11 ^h 00'
8	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.	Ban Kiểm soát	
9	Bầu thay thế một (01) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2019.	Trưởng Ban Kiểm phiếu	11 ^h 00' - 11 ^h 30'
III	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI		
1	Thông qua nghị quyết của Đại hội	Trưởng Ban thư ký	11 ^h 30' - 12 ^h 00'
2	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: **08** /BC-TEL.VINA

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Kết thúc một năm hoạt động, được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016.

Phần I: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch chính

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2015	So sánh TH 2015	
				Với KH năm	Với năm 2014
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) (tr đồng)	86.000	162.791	-189,3%	-203,7%
	Sản lượng cáp quang (km sợi quang)	160.000	268.195	-168%	-180,5%
	Sản lượng cáp đồng (km đôi dây)	4.500	9.295,6	-206,5%	-226,6%
2	Tổng doanh thu (chưa có thuế) (tr đồng)	88.050	176.168	-200,2%	-217,6%
3	Nộp ngân sách NN (tr đồng)	8.632	11.974	-138,7%	-232,9%
4	Lợi nhuận trước thuế (tr đồng)	500	1.263	Tăng gấp 2,5 lần	Đã có lãi
5	Lợi nhuận sau thuế (tr đồng)	390	1.263	Tăng gấp 3,2 lần	Đã có lãi

2. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số đầu năm	Số cuối năm Tại 31/12/2015
I	Tổng tài sản	Đồng	114.065.089.453	133.805.844.247
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	71.784.955.133	95.925.520.376
2	Tài sản dài hạn	Đồng	42.280.134.320	37.880.323.871
II	Tổng nguồn vốn	Đồng	114.065.089.453	133.805.844.247
1	Nợ phải trả	Đồng	41.807.765.251	60.285.013.904
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	72.257.324.202	73.520.830.343

* Các chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	37,06	28,31
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	-	62,90	71,69
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,65	45,05
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-	63,34	54,95
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,72	2,22
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	-	1,71	1,56
2.3	Khả năng thanh toán nợ nhanh	-	1,06	0,88

3. Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2015.

Năm 2015, thị trường viễn thông trong nước sôi động do Tập đoàn VNPT đầu tư hạ tầng với 02 đợt đấu thầu lớn. Bên cạnh đó, nhiều nhà khai thác viễn thông khác cũng mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng với cả thị trường trong và ngoài nước.

Nhận được sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các cơ quan ban ngành liên quan, ngay từ đầu năm 2015 tập thể Lãnh đạo Công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, đồng thời

nhận được sự đồng lòng chia sẻ và cùng vượt khó của người lao động trong toàn Công ty, đó là những thuận lợi lớn nhất giúp **Công ty hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2015**, người lao động có việc làm thường xuyên và đời sống được nâng lên rõ rệt.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và đồng bộ nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng bằng nhiều kênh phân phối và nâng cao năng lực sản xuất, kết quả đạt được là Công ty đã ký được các hợp đồng bán hàng có giá trị bên cạnh các đơn hàng đã trúng thầu gói thầu tập trung của Tập đoàn VNPT, đưa doanh thu của Công ty tăng gấp đôi kế hoạch năm 2015.

Để phù hợp hơn với chiến lược phát triển Công ty, Công ty đã làm thủ tục và chính thức đổi tên từ Công ty cổ phần Vật liệu Bưu điện thành "Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam", đổi tên thương hiệu thành TELVINA kể từ ngày 15/6/2015.

Trong năm, Công ty đã thực hiện kế hoạch sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng, di chuyển thiết bị sản xuất nhằm hợp lý hóa hơn trong quá trình sản xuất của Công ty.

Cùng với việc đẩy mạnh năng suất lao động tăng từ 150-200% so với trước đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm nhà thầu phụ để cung cấp đa dạng nguồn nguyên vật liệu, tạo sự cạnh tranh để lựa chọn giá tốt nhất và đẩy mạnh hợp lý hóa tăng hiệu quả sản xuất, cụ thể là Công ty đã tìm thêm nhà cung cấp về nhựa bọc vỏ, sợi quang và dây thép treo.

Về nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực tối đa cân đối nguồn tiền để đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, tích cực làm việc với tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn vay phục vụ kịp thời hoạt động của Công ty, thực hiện tốt công tác đối chiếu công nợ và tích cực đón đốc thu nợ (trung bình mỗi tháng thu được từ 15-20 tỷ đồng); thanh toán kịp thời tiền lương và các chế độ khác của người lao động; thực hiện báo cáo tài chính và các báo cáo khác đúng thời hạn; hàng tháng đã thực hiện được việc cân đối vật tư đưa vào sản xuất để xác định được ngay hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Về công tác quản lý kỹ thuật, Công ty đã cải tiến máy bọc cáp đồng E120 sản xuất được tất cả các loại cáp quang, đặc biệt là bọc được cáp quang có dung lượng đến 144 sợi, cáp quang ADSS khoảng vượt lớn và lắp đặt hoàn thiện hệ thống khuôn ép bằng thép sản xuất cáp quang chôn trực tiếp. Chế thử thành công sản phẩm mới như cáp ADSS khoảng vượt từ 300-500m và hoàn thiện công nghệ sản xuất cáp FTTx-GPON, chất lượng đạt yêu cầu, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Công tác cải tiến công nghệ được chú trọng thực hiện, đã góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Hoạt động sản xuất của Công ty đã đạt được hiệu quả cao là do Công ty khai thác được các đơn hàng cáp sợi quang có số lượng sản xuất được 3 ca liên tục và tập trung về chủng loại sản phẩm. Thiết bị sản xuất ít xảy ra sự cố do được vận hành, kiểm tra xử lý liên tục và công tác bảo dưỡng được duy trì thường xuyên hơn, tỷ lệ phế phẩm trong sản xuất được cải thiện rõ rệt, tiêu hao vật tư cho sản xuất giảm đáng kể; chất lượng sản phẩm ổn định và đã nhận được sự hài lòng, độ tin cậy cao từ khách hàng.

Bên cạnh đó, việc động viên khích lệ tinh thần lao động của CBCNV, tiến hành bình xét thi đua chất lượng lao động và khen thưởng, tôn vinh lao động tiêu biểu nhằm động viên kịp thời, tinh thần trách nhiệm được nâng cao rõ rệt, đặc biệt đã khích lệ được sự sáng tạo, năng động của đội ngũ CBCNV để cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, sản phẩm sai hỏng do lỗi chủ quan gần như không có.

Công ty đã thực hiện thành công mục tiêu hoạt động năm 2015, đó là: hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Công ty đã có lãi sau 4 năm bị thua lỗ liên tục, tạo việc làm thường xuyên và đảm bảo đời sống của người lao động được nâng lên, lợi thế cạnh tranh và uy tín thương hiệu TEL.VINA của Công ty trên thị trường dây và cáp thông tin ngày càng được khẳng định.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm 2015, Công ty vẫn còn một số hạn chế và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, như sau:

- Doanh thu từ sản phẩm dây và cáp thông tin sợi đồng của Công ty không nhiều do nhu cầu gần như không có, trong khi thị trường cáp sợi quang có trên 10 doanh nghiệp cùng tham gia, do đó mà cạnh tranh về giá giữa các đơn vị cũng là rất lớn.

- Nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh hạn chế, nhiều khách hàng còn có nợ quá hạn nên vẫn có thời điểm Công ty gặp khó khăn về việc làm thủ tục nhập vật tư phục vụ sản xuất. Số nợ quá hạn đã lâu từ nhiều năm trước vẫn còn trên 11 tỷ đồng, trong đó: Công ty VTC nợ 450 triệu đồng, Công ty TFP nợ trên 7 tỷ đồng, Công ty thiết bị Viễn thông Hải Phòng nợ 134 triệu đồng, VT Phú Thọ nợ 114 triệu đồng, Công ty Song Hùng nợ gần 3.2 tỷ đồng, lý do là một số đơn vị này i, một số lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính. Công ty đã thực hiện khởi kiện dân sự với 02 trường hợp nợ nhiều, hiện tòa án dân sự đang thụ lý.

- Do Công ty thua lỗ liên tục trong giai đoạn 2010-2014 nên việc vay vốn Ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do phải giải trình và thực hiện nhiều thủ tục liên quan.

- Việc ngắt điện đột xuất không được báo trước vẫn xảy ra nhiều, dẫn đến làm lế sản phẩm và tồn kho.

Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Quý 1/2016 của Công ty:

- Công ty đã từng bước xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh ổn định cho từng tháng, quý trong năm 2016.
- Căn cứ vào các đơn đặt hàng, ước tính kết quả SXKD Quý 1/2016 như sau:
 - + Giá trị tổng sản lượng (không có thuế) ước tính đạt 34 tỷ đồng (= 22.66% KII năm).
 - + Tổng doanh thu thuần ước tính đạt 35 tỷ đồng (= 21.17% KII năm).

4. Báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư cải tiến thiết bị, phát triển sản phẩm và mở rộng hoạt động của Công ty trong năm 2015:

- Đã cải tiến thành công máy học E120 để sản xuất cáp quang: như lắp đặt thêm một guồng bên Aramid thành hai guồng bên đảo chiều nhau để sản xuất cáp quang ADSS khoảng vượt lớn từ 300m đến 500m.
- Đã cải tiến được máy học liên hoàn Foam-skin số 1 để sản xuất cáp đồng trục và các sản phẩm khác.
- Hoàn thiện công nghệ sản xuất cáp điều khiển chôn ngầm phục vụ ngành hàng không, cáp quang treo trên đường dây điện lực (ADSS) khoảng vượt max 300m-500m, cáp thuê bao quang dạng ống chắt và công nghệ học lỏng thay cho học chắt để tăng năng lực sản xuất của thiết bị, kết quả năng lực sản xuất hiện nay của Công ty đã tăng lên gấp đôi so với thời điểm cuối năm 2014.
- Di chuyển xong một số thiết bị sản xuất từ trụ sở Công ty lên Chi nhánh Bắc Ninh để đồng bộ hóa, khép kín dây chuyền sản xuất cáp quang nhằm giảm chi phí phát sinh.

Phần II: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Thách thức và cơ hội trong năm 2016:

Theo nhận định, kinh tế thế giới năm 2016 được dự báo tiếp tục có sự phục hồi so với năm 2015 nhưng ở tốc độ chậm, ẩn chứa nhiều rủi ro, thách thức. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 được dự báo ở mức 3,8%, cao hơn mức 3,5% của năm 2015.

Mục tiêu GDP của Việt Nam năm 2016 dự kiến tăng trưởng trên 6.5% so với năm 2015, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng khoảng 5% so với năm 2015.

Đối với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam năm 2016 là năm đầu tiên chính thức triển khai mô hình SXKD mới theo Đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong năm 2016, thị trường cáp sợi quang trong nước sẽ tiếp tục sôi động trong 2016-2017, các sản phẩm cáp quang, dây thuê bao quang sẽ có nhu cầu lớn do sự đầu tư đồng bộ của các Tập đoàn và các đơn vị Viễn thông lớn gồm VNPT, VIETTEL, FPT cũng như ở các đơn vị Truyền hình cáp lớn gồm SCTV, VTV Cab...

Đối với Công ty, nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh hạn chế, do vốn điều lệ chỉ có 50 tỷ đồng trong khi kế hoạch doanh thu phải thực hiện gấp gần 4 lần vốn điều lệ, nhiều khách hàng còn có nợ quá hạn đã lâu từ nhiều năm trước Công ty có thể sẽ phải tiếp tục tính dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, lãi suất vay vốn ngân hàng phục hoạt động sản xuất kinh doanh đã tăng từ 6.8%/năm (2015) lên 7.4%/năm trong năm 2016. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh về giá bán sản phẩm ngày càng khốc liệt, thị trường tiêu thụ khó khăn hơn do nhu cầu về sản phẩm cáp sợi đồng chưa có dấu hiệu thay đổi so với trước, cộng thêm với việc phải thử nghiệm nhiều để phát triển sản phẩm mới cũng sẽ làm phát sinh tăng chi phí, lượng hàng tồn kho có từ những năm trước đó nhiều nên có thể Công ty phải tiếp tục tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho, vì vậy sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước những thách thức và cơ hội trên, sẽ có ảnh hưởng nhất định tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở thực tế và căn cứ vào định hướng và mục tiêu của Ngành, Công ty đề ra các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, như sau:

II. Mục tiêu hoạt động

- Tiếp tục tập trung phát triển sản phẩm cốt lõi là dây và cáp của Công ty.
- Tạo thêm việc làm và đảm bảo thu nhập bình quân theo hướng tăng trưởng cho người lao động.
- Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Khẳng định thương hiệu TELVINA trên thị trường trong và ngoài nước.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	SS KH 2016/TH 2015 (%)
1	Giá trị tổng sản lượng (không có thuế GTGT) (tr đồng)	86.000	162.791	175.800	=108%
2	Tổng doanh thu (chưa có thuế) (tr đồng)	88.050	176.168	193.802	=110%
3	Nộp ngân sách NN (tr đồng)	8.632	11.974	15.500	=129,4%
4	Lợi nhuận trước thuế (tr đồng)	500	1.263	1.454	=115%
5	Lợi nhuận sau thuế (tr đồng)	390	1.263	1.454	=115%

IV. Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, dịch vụ:

- Thực hiện tiếp các phần công việc thuộc các gói thầu tập trung của VNPT: đẩy mạnh phát triển thị trường cáp sợi quang, cáp sợi đồng như: dây thuê bao đồng, cáp thông tin sợi đồng với các khách hàng là Viễn thông các tỉnh/thành phố, đơn vị khác trực thuộc Tập đoàn và các khách hàng lẻ truyền thống.

- Phát triển thị trường sản xuất kinh doanh qua các hợp đồng với đơn vị ngoài Ngành đối với các sản phẩm liên quan đến cáp sợi đồng như: cáp truyền thanh, truyền hình, cáp tín hiệu hầm lò; tham gia đấu thầu các dự án của các đơn vị như Công ty Viễn thông FPT, các đơn vị truyền hình cáp như (SCTV, VTV Cab) và các nhu cầu cáp sợi quang của Tập đoàn EVN.

- Thâm nhập khai thác như thị trường Lào, Myanmar và Cuba.

V. Kế hoạch phát triển kỹ thuật và sản phẩm.

- Công ty phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai sản xuất cáp quang bọc chặt đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến thiết bị hiện có để sản xuất cáp quang chống cháy sử dụng trong mỏ, hầm lò, cáp quang treo trên đường dây điện lực (ADSS) khoảng vượt lớn (600m và 700m), hoàn thiện công nghệ cáp quang truy nhập dung lượng lớn 216 sợi và cáp diện hạ thế.

- Nghiên cứu công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm cáp sợi đồng và sợi quang theo nhu cầu của thị trường nước ngoài.

VI. Biện pháp thực hiện

- Quán triệt thực hiện phương châm hoạt động của Công ty trong năm 2016 **“KỶ LUẬT - SÁNG TẠO - CHUYÊN NGHIỆP - HIỆU QUẢ”**.

- Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm đang còn thị trường.

- Đẩy mạnh các giải pháp phát triển thương hiệu, nâng cao uy tín sản phẩm kết hợp các biện pháp và công tác tổ chức nhằm tăng cường hiện diện thương mại của Công ty tại các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Công ty đảm bảo hiệu quả cao.

- Thực hiện kế hoạch mở rộng hoạt động và tăng thêm giá trị doanh nghiệp theo định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện từng bước có hiệu quả theo lộ trình phát triển Công ty giai đoạn 2015-2019.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam năm 2015, phương hướng hoạt động năm 2016, Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TÓNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Tô Chí Thành

Số: **34** /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

(Xin gửi kèm theo Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015)

Ghi chú: toàn văn bản Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://www.telvina.vn>.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC TỊCH**



Trần Hải Vân



Số: 111/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/02/2016, từ trang 7 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.925.520.376	71.784.955.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.667.073.032	3.724.840.737
1. Tiền	111	5	7.817.983.032	3.724.840.737
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	5.849.090.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		327.991.111	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	327.991.111	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.320.799.593	40.691.423.113
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	42.373.063.728	41.858.268.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	995.345.480	13.276.290
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.856.726.235	2.265.659.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(5.904.355.815)	(3.447.780.776)
IV. Hàng tồn kho	140	12	41.072.412.811	26.411.429.259
1. Hàng tồn kho	141		42.663.875.250	27.777.655.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.591.462.439)	(1.366.225.831)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.537.243.829	957.262.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	526.354.848	319.408.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		842.888.566	634.487.460
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.b	158.000.115	3.365.335
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.880.323.871	42.280.134.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.869.148.876	42.095.935.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	32.179.564.879	36.240.403.906
- Nguyên giá	222		234.293.428.822	133.123.107.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.113.863.943)	(96.884.703.321)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	5.689.583.997	5.855.531.616
- Nguyên giá	228		6.876.452.379	6.876.452.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.186.868.382)	(1.020.920.763)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.174.995	184.198.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	11.174.995	184.198.798
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		133.805.844.247	114.065.089.453

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.285.013.904	41.807.765.251
1. Nợ ngắn hạn	310		60.285.013.904	41.807.765.251
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	17.410.929.589	26.575.293.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	546.361.000	20.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18 a	-	11.399.597
4. Phải trả người lao động	314		4.836.678.975	1.682.349.588
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	243.817.073	98.173.390
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	110.728.850	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	2.734.222.814	3.276.233.850
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	14.328.287.518	9.998.118.915
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		71.986.617	72.956.627
II. Nợ dài hạn	350		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.520.830.343	72.257.324.202
1. Vốn chủ sở hữu	410	23	73.520.830.343	72.257.324.202
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông và quyền mua cổ phiếu	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	21.000.000.000	21.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	5.902.426.198	5.902.426.198
4. Cổ phiếu quỹ	415	23	(888.000.000)	(888.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	47.792.636.449	47.792.636.449
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	(53.286.232.704)	(54.549.728.445)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này	421a	23	(54.549.728.445)	(54.549.595.292)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	23	1.263.565.141	(12.999.843.153)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		133.805.844.247	114.065.089.453

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biên

Tổ Chí Thành

Nguyễn Thanh Mai

Trịnh Văn Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT của Bộ Tài chính số 30/2014/TT-BTC
ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	175.256.886.865	80.560.821.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	9.078.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		175.256.886.865	80.560.742.958
4. Giá vốn hàng bán	11	27	129.382.250.571	81.225.679.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		25.874.636.344	(664.936.047)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	89.132.010	58.238.539
7. Chi phí tài chính	22	29	2.695.799.984	442.305.529
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.671.252.482	281.999.652
8. Chi phí bán hàng	25	30	7.679.421.697	2.942.473.666
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	14.094.693.528	9.117.850.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		593.843.045	(13.120.323.214)
11. Thu nhập khác	31	31	822.003.236	738.369.945
12. Chi phí khác	32	32	152.340.140	208.886.882
13. Lợi nhuận khác	40		669.663.096	129.483.063
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.263.506.141	(12.999.843.153)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.263.506.141	(12.999.843.153)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	255	(2.632)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	256	(2.632)

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Tổ Chức Thành

Nguyễn Thanh Mai

Trịnh Văn Hiến

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *12* TT-TEL VINA

Hà Nội, ngày *28* tháng *5* năm 2016

TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN
V.v sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty TELVINA

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;

- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam thống nhất lập Phương án về sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2015 như sau:

Theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt được 1.263.506.141 đồng.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 cho phép Công ty để lại và không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015; không thực hiện thanh toán cổ tức năm 2015, vì để Công ty kết chuyển dần lỗ từ các năm trước sang năm sau theo quy định.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét và quyết định.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
Trần Hải Vân

Số: *09* /BC-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (TELVINA) xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) trong năm 2015 và định hướng hoạt động của HDQT trong năm 2016 như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam năm 2015:

- Trong năm qua, tập thể Lãnh đạo Công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua. Hội đồng quản trị đã cùng Tổng Giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và các nghị quyết của HDQT bằng các giải pháp trọng tâm, đồng bộ, thực hiện mục tiêu đẩy mạnh công tác bán hàng, khai thác các đơn hàng có giá trị lớn để nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động và nâng cao đời sống cho người lao động, kết quả đạt được là giá trị tổng sản lượng, tổng doanh thu và tổng lợi nhuận trước thuế vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2015, đặc biệt Công ty đã có lãi sau 4 năm bị thua lỗ liên tục, cụ thể:

✦ Chỉ tiêu Tổng sản lượng (không có thuế GTGT) đạt: 162,7 tỷ = 189,3% kế hoạch năm 2015, tăng gấp 2 lần so với thực hiện năm 2014.

✦ Chỉ tiêu Tổng doanh thu năm 2015 đạt: 176,1 tỷ đồng = 200,2% kế hoạch năm 2015, tăng gấp 2,17 lần so với thực hiện năm 2014.

↳ Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt: 1.26 tỷ đồng = 250% kế hoạch năm 2015. Công ty đã có lãi sau 4 năm thua lỗ liên tục.

2. Hoạt động của HĐQT:

2.1. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty TELVINA với vai trò đại diện cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) thường niên trong công tác quản lý hoạt động của Công ty, đã duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Từ tháng 01/2015 đến ngày 15/5/2015, Hội đồng quản trị hoạt động có 03 thành viên, gồm: ông Đinh Minh Sơn, ông Tô Chi Thành và ông Trần Hậu Thành.

Từ ngày 15/5/2015 đến nay, Hội đồng quản trị hoạt động có 03 thành viên, gồm: ông Trần Hải Vân, ông Tô Chi Thành và ông Trần Hữu Hồng Trường.

Năm 2015, HĐQT đã tổ chức 11 đợt họp thường kỳ trực tiếp, bất thường và xin ý kiến bằng văn bản, trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm như:

- Họp bàn về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, kiểm điểm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014, kiểm điểm việc triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2014.
- Hội đồng quản trị họp bàn kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Xem xét và thông qua việc ký kết các hợp đồng với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Điện Biên Phủ.
- Tổng duyệt công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương của Công ty.
- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2019 bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015-2019.
- Quyết định đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh phù hợp với thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty.
- Thông qua việc thế chấp tài sản vay vốn Ngân hàng và hạn mức tín dụng của Công ty.

- Quyết định chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương sản phẩm năm 2015.
- Thông qua việc thanh lý một số phương tiện vận tải của Công ty.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng quản trị và sự đồng thuận cao của các cổ đông.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, kịp thời đưa ra các chủ trương và các giải pháp về chính sách kinh doanh, về cơ chế hoạt động và chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015.

2.2. Thủ lao của HĐQT và BKS năm 2015:

Trong năm 2015 Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2.3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo trực tiếp Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra thông qua các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và các báo cáo về tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị cùng Tổng Giám đốc tiến hành các buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình kinh doanh của Công ty qua từng giai đoạn, triển khai đồng bộ các giải pháp: đẩy mạnh công tác giới thiệu sản phẩm; đa dạng các kênh phân phối để đẩy mạnh công tác bán hàng như bên cạnh việc tham dự đấu thầu tập trung các gói thầu của VNPT, duy trì khách hàng truyền thống, thì việc đẩy mạnh phát triển khách hàng ngoài ngành cũng là trọng tâm; đồng thời nâng cao năng lực sản xuất để thực hiện các đơn hàng lớn; thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, hạn chế phế phẩm trong quá trình sản xuất; thực hiện các giải pháp khuyến khích động viên tinh thần bằng say lao động và nâng cao năng lực sản xuất; áp dụng các phương thức thanh toán công nợ phải thu nhằm tối ưu hiệu quả nguồn vốn sử dụng, quản lý chặt công nợ và quyết liệt thu nợ

của các khách hàng... Đồng thời tiến hành kiểm điểm hoạt động của Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các buổi họp định kỳ và đột xuất.

Trong năm 2015, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp tháo gỡ khó khăn, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2016

Trước những cơ hội và thách thức trong thời gian tới, HĐQT định hướng một số chỉ tiêu chính trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- ✚ Kế hoạch tổng sản lượng (chưa có thuế) là: 175,8 tỷ đồng, bằng 108% so với thực hiện năm 2015.
- ✚ Kế hoạch tổng doanh thu thuần là: 193.8 tỷ đồng, bằng 110% so với thực hiện năm 2015.
- ✚ Kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 1.454 tỷ đồng, bằng 115% so với thực hiện năm 2015.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty xác định hướng hoạt động là tập trung:

- ✓ Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- ✓ Xây dựng và thực hiện kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp trọng tâm phù hợp và linh hoạt hơn

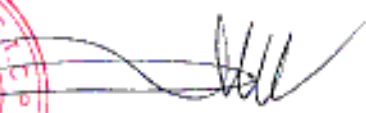
trong từng giai đoạn và từng thời điểm, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn của Công ty.

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét thông qua.

Hội đồng quản trị xin được gửi tới Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và may mắn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Trần Hải Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39 TT-TELVINA

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH

**V.v đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty TELVINA**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;

- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

(cơ bản tổng hợp các điều khoản dự thảo sửa đổi, bổ sung và bản dự thảo Điều lệ đầy đủ được sửa đổi, bổ sung kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hải Vân

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

TT	Quy định hiện hành	Dự thảo Quy định mới	Thuyết minh
QUY ĐỊNH CHUNG			
1	Luật Doanh nghiệp 2005	<i>Sửa đổi Căn cứ</i> Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/7/2015	Phù hợp với Luật mới
2	Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư	<i>Sửa đổi mới sẽ nêu đúng trong Điều lệ</i> Sửa đổi, bổ sung (Điều lệ) lần thứ năm	Theo quy định của Công ty
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ			
	Điều 1. Định nghĩa		
3	Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
4	1.d. “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.	<i>Sửa đổi Khoản 1 Điều 1</i> d. “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
5	4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	<i>Không quy định</i>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			
	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động		
6	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	<i>Sửa đổi Khoản 2 Điều 4</i> 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Dại hội đồng cổ đông thông qua.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập		
7	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<i>Sửa đổi Khoản 7 Điều 5</i> 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp
	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu		
8	Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	<i>Sửa đổi tên Điều 6</i> Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
9	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều 6. 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 3. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	<i>Sửa đổi bỏ sang Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6</i> Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. 4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác		

	hội hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	phù hợp.	
Chương V. CẤU TRÚC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT			
13	Chương V. CẤU TRÚC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	<i>Sửa đổi tên cho Chương V</i> Chương V. CẤU TRÚC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	Phù hợp với Điều lệ mẫu
	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý		
14	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng Giám đốc; 4. Ban kiểm soát.	<i>Sửa đổi Điều 10</i> Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát <i>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</i> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng Giám đốc; 4. Ban kiểm soát.	Phù hợp với Điều lệ mẫu
15	Điều 11. Quyền của cổ đông		
	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;	<i>Bổ sung, sửa đổi Khoản a, b, g, h Điều 11</i> 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền <i>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa</i> ; <i>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i> ; g. Trường hợp Công ty giải thể <i>hoặc phá sản</i> , được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; <i>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</i>	Theo Điều lệ mẫu và quy định của Luật Doanh nghiệp

10	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	<i>Sửa đổi Điều 7</i> Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của <i>thị trường theo pháp luật của Công ty</i>, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần		
11	1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	<i>Sửa đổi bổ sung Khoản 1, 2 Điều 8</i> Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần <i>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i> <i>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</i>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	Điều 9. Thu hồi cổ phần		
12	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này. 4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là	<i>Sửa đổi Khoản 3, 4 Điều 9</i> Điều 9. Thu hồi cổ phần <i>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</i> <i>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là</i>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;	<i>Sửa đổi Điều 6 Khoản 3 Điều 11</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp</i>;	Theo quy định Luật Doanh nghiệp
	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông		
16		<i>Bổ sung Khoản 2 Điều 12</i> <i>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</i>	Theo Điều lệ mẫu
	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông		
17	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	<i>Bổ sung Điều 6, 7 và Khoản 3 Điều 13</i> 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa <i>(1/2) so với số đầu kỳ</i>; <i>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</i> e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <i>Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động</i>	Theo Điều lệ mẫu. Luật Doanh nghiệp

		ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
18	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3.0 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi Điều b, c Khoản 4 Điều 13</i> b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3.0 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Theo Luật Doanh nghiệp
	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông		
19	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	<i>Sửa đổi Khoản 2, Điểm n Khoản 2 Điều 14</i> 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Theo Luật Doanh nghiệp
20	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	<i>Sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 14</i> 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	Theo Điều lệ mẫu

Điều 16. Thay đổi các quyền 21 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó. 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu hai phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó. 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 19. 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tái sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại. Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình	<i>Sau khi Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16</i> Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này. 3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tái sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	Theo Điều lệ mẫu
---	--	-------------------------

22	hợp, và thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình hợp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.	<i>Sửa đổi Khoản 3 Điều 17</i> 3. Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.	Theo Điều lệ mẫu và phù hợp với thực tế của Công ty
23	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng;	<i>Bổ sung Điều 6 Khoản 5 Điều 17</i> 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng <i>theo quy định tại Khoản 3</i>	Theo Điều lệ mẫu

		Điều 11 Điều lệ này:	
	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
24	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	<i>Bổ sung Khoản 2 Điều 20</i> 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (<i>trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp</i>) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Theo Điều lệ mẫu
	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông		
25		<i>Bổ sung nội dung sau vào Điều 23</i> <i>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</i>	Theo Điều lệ mẫu
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
26	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội	<i>Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, 2, 4, 5 Điều 24</i> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người, Nhiệm kỳ của Hội	Theo Điều lệ mẫu, Luật Doanh nghiệp

đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở xuống có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

c. Thành viên do bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. **Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.**

2. **Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.**

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

c. Thành viên do bị **bãi nhiệm** theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. **Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được**

		<i>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</i>	
	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị		
27	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. 8. Số thành viên tham dự tối thiểu, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	<i>Sửa đổi Khoản 4, 8 Điều 27</i> 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. 8. Số thành viên tham dự tối thiểu, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. <i>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>	Theo Luật Doanh nghiệp
Chương IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ			
28		<i>Bổ sung thành viên Ban kiểm soát vào các Điều 32 và Điều 33.</i>	Phù hợp với Điều lệ mẫu
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT			
	Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát		
29	1. Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở xuống có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể	<i>Sửa đổi Khoản 2, 3, bổ sung Khoản 4 Điều 35</i> 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của	Theo Điều lệ mẫu

	tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 2. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: e. Thành viên do bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: e. Thành viên do bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
--	---	---

Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

	Điều 45. Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hàng quý		
30	1. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. 2. Ban tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp	Sau đổi khoản 3, 4 Điều 43 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công	Theo Điều lệ mẫu

	công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.	<i>ty phải được công bố trên website của Công ty.</i>	
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY			
	Điều 47. Kiểm toán		
31	1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hằng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận khi công ty niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. 4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hằng năm của Công ty.	<i>Sửa đổi khoản 1, 2, 4 Điều 47</i> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập <i>hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này</i> tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. 2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. <i>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i> <i>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</i>	Theo Điều lệ mẫu và phù hợp với thực tế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

*(đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm
2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam họp ngày 15/4/2016)*

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;
- Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, năm 2011, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 4 năm 2016 (*nội dung được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm là phần chữ đậm và in nghiêng*).

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được **Hội đồng quản trị phê chuẩn**;
 - “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
 - “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
 - “Việt Nam” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

o Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

o Tên tiếng Anh: Telvina Vietnam Communication Joint Stock Company

o Tên viết tắt: TELVINA „JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

o Địa chỉ: Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội

o Điện thoại: 04. 878 04 51; Fax: 04 878 00 23

o E-mail: info@telvina.vn

o Website: <http://www.telvina.vn>

4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49.2 và Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại vật liệu điện, điện tử và viễn thông.
- Sản xuất các sản phẩm dân dụng.
- Kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị và hàng hóa.
- Hoạt động viễn thông có dây.
- Hoạt động viễn thông không dây.
- Xây lắp các công trình xây dựng.
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống điện, điện tử và viễn thông.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Hướng tới thu lợi nhuận tối đa và nộp ngân sách Nhà nước.
- Xây dựng thương hiệu TELVINA ngày càng lớn mạnh và phát triển.
- Phát huy truyền thống của Công ty.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Đa dạng hóa tối đa loại hình sản xuất kinh doanh hướng tới lợi ích cho Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán

theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. *Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán.* Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền *hoặc thực hiện bằng phiếu từ xa*;

b. *Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông*;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Công ty giải thể *hoặc phá sản*, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. *Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp*;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 35.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại *khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp*;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. *Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.*

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. *Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;*
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo *Điều 169 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;*
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 và Điểm e Khoản 3 Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản d Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định *Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.*

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông.

nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định *Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp*.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và di lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Định hướng phát triển Công ty.
2. *Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:*
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm của từng loại cổ phần. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị kiến nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung, sửa đổi và thay đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tái tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại *Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp* với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20%

tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất:

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó. *trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sơ hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.*

c. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi họp một (01) ngày, trong trường hợp đặc biệt Hội đồng quản trị có thể xem xét, chấp thuận cho người được ủy quyền nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

5. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 2019 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. Trường hợp cổ đông là người làm

việc trong Công ty, thông báo có thể được trưng bày trong phòng bị dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng *theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này*;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, sẽ được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết, trên đó có ghi ý kiến tán thành hoặc phản đối hoặc không có ý kiến cho từng nghị quyết. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phản quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.

b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp.

c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính hợp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản **Error! Reference source not found.** của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Thông qua định hướng phát triển công ty;
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- d. Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. *Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.*

2. *Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết theo thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.*

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị **bãi nhiệm** theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. *Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông*

có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

f. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn của Điều lệ này;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm 1 khoản 2 điều 14 của Điều lệ này;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả: quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- p. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- q. Thông qua việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch

Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hằng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của công ty của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông:

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
- b. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Có đề nghị của đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành *trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này*. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phản quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền

lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc

hiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. *

16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và Phó tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến Tổng Giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Nhiệm kỳ: theo Điều 26 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi phạm pháp luật, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản, Có trình độ quản lý, kinh doanh, thuộc các ngành kinh tế-kỹ thuật. Có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có

đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật, không kiêm nhiệm bất cứ chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm.

e. Thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

j. Tuyển dụng lao động;

k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng, có đồng theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, ban sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban Kiểm soát*, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban Kiểm soát*, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban Kiểm soát*, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban Kiểm soát*, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban Kiểm soát*, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người

liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên Ban Kiểm soát**, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cần và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng

đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị **bãi nhiệm** thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một (01) năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu

được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

Chương XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 38. Công nhân viên, tổ chức công đoàn và tổ chức Đảng CSVN

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Chương XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị kiến nghị sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền tra cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh tra tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận sau thuế

1- Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế.

2- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

- Quỹ dự phòng tài chính: trích ít nhất bằng 5% đến mức bằng 10% vốn điều lệ.

- Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định mức trích lập:

- + Quỹ đầu tư phát triển
- + Quỹ khen thưởng, phúc lợi
- + Quỹ khuyến mãi khách hàng...

3- HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng quỹ.

4- Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn đã góp.

5- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hằng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hằng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty vào năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm năm (05) thành viên. Ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và hai thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng tám (08) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm này gồm XXI chương 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2016 tại Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỒNG KÝ TÊN**

ÔNG TRẦN HẢI VÂN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

ÔNG TÔ CHÍ THÀNH
Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN HỮU HỒNG TRƯỜNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Lập tại thành phố Hà Nội, ngày 15/4/2016
**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**

Tô Chí Thành

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

(LẬP NGÀY 10/5/2011 VÀ BAN HÀNH KÈM THEO BẢN ĐIỀU LỆ NÀY)

STT	Họ và tên :	Số ĐKSH :	Ngày cấp:	Nơi cấp :	Địa chỉ :	Số lượng CK sở hữu	Số lượng biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/ tổng số CP
1	Vốn Nhà nước thuộc VNPT	0106000689	21/4/2006	Sở KH và Đầu tư TP Hà Nội	Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN	2 490 000	2 490 000	49.80%
2	Bùi Hồng Ánh	011986389	16/09/1996	CA Hà Nội	Tổ 4 Kim Quan - Việt Hưng - Long Biên - HN	10 264	10 264	0.21%
3	Bùi Quý Thắng	012229130	28/04/1999	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	882	882	0.02%
4	Bùi Thị Tiên	012671364	05/04/2004	CA Hà Nội	Công ty CP Vật liệu Bưu điện - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	1 845	1 845	0.04%
5	Bùi Thị Vương Liên	010657296	27/04/1979	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%
6	Bùi Văn Anh	012057627	12/08/1997	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
7	Cao Thị Ngâm	010657333	10/09/2002	CA Hà Nội	ai Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 396	2 396	0.05%
8	Chu Thị Vĩnh	010657258	29/12/2004	CA Hà Nội	Du Nội - Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
9	Chữ Văn Ngừ	010657439	16/10/2009	CA Hà Nội	Thôn Hội Phú - Đông Hội - Đông Anh - HN	3 000	3 000	0.06%
10	Công Thị Mai	010657431	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 899	4 899	0.10%
11	Dương Thị Loan	012739755	15/09/2004	CA Hà Nội	Tổ 12 Cự khối - Gia Lâm - Hà Nội	764	764	0.02%
12	Dương Thị Thi	011813689	15/03/1994	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	10 000	10 000	0.20%
13	Dương Văn Hoà	011460347	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	2 899	2 899	0.06%
14	Dương Văn Lê	010646933	11/07/2004	CA Hà Nội	ai Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 948	4 948	0.10%
15	Dương Văn Nghĩa	010646821	06/06/2001	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 655	5 655	0.11%
16	Hoàng Công Kiên	011460338	14/09/2001	CA Hà Nội	25/5 Láng Hạ, Hà Nội	8 867	8 867	0.18%
17	Hoàng Giang	012709954	09/06/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 264	3 264	0.07%
18	Hoàng Hữu Hưng	011350591	27/12/2004	CA Hà Nội	27/53 Đường Thiên Đức - YViên - GLâm - HN	370	370	0.01%
19	Hoàng Hữu Lương	011734305	22/8/2007	CA Hà Nội	Số 27 Ngõ 53 Đường Thiên Đức - GLâm - HN	2 000	2 000	0.04%
20	Hoàng Minh Năng	051287030	16/06/1997	CA Thái Bình	199 Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	382	382	0.01%
21	Hoàng Thanh Hạ	011594025	29/12/2004	CA Hà Nội	SN35 Ngách 528 - Ngõ Gia Tự - LB - HN	4 066	4 066	0.08%
22	Hoàng Thế Sơn	010646963	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	5 101	5 101	0.10%
23	Hoàng Thị Liên	012463842	06/08/2001	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm

24	Hà Thuý Châm	010646999	29/12/2004	CA Hà Nội	SN 9, Tổ 5, Phường Thượng Thanh - Long Biên - HN	7 562	7 562	0.15%
25	Khổng Đức Hào	012034876	18/06/1997	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 882	3 882	0.08%
26	Luyện Thị Bích Châu	011117039	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	9 365	9 365	0.19%
27	Lã Văn Tư	010657094	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
28	Lê Minh Quang	012278202	10/9/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 373	2 373	0.05%
29	Lê Ngọc Lan	170024604	23/12/1977	CAThanh Hoà	Số 9 Ngõ 48/ 4Tô Vĩnh Diện - TXuân - HN	1	1	0.00%
30	Lê Ngọc Thắng	010657335	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	1 250	1 250	0.03%
31	Lê Thị Lanh	012721015	09/06/2004	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	7 691	7 691	0.15%
32	Lê Thị Minh Lý	010657404	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu TT Vật Tư Bưu Điện - Yên Thượng - HN	3 000	3 000	0.06%
33	Lê Văn Bình	011460334	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	7 202	7 202	0.14%
34	Lê Văn Dũng	012619179	19/06/2003	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	5 000	5 000	0.10%
35	Lê Văn Ngọc	011297278	29/12/2004	CA Hà Nội	Nghĩa Vũ - Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội	5 161	5 161	0.10%
36	Lê Văn Thép	011972222	19/07/1996	CA Hà Nội	Nghĩa Vũ - Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội	500	500	0.01%
37	Lưu Đình Trọng	012967657	10/5/2007	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
38	Lương Đống	010657403	22/12/2003	CA Hà Nội	Số 59 - Tổ 24 Hoàng Văn Thụ - HBT - Hà Nội	4 000	4 000	0.08%
39	Mai Xuân Thịnh	012108024	23/04/1998	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	328	328	0.01%
40	Mai Xuân Đại	010431497	02/10/2003	CA Hà Nội	Số 16 Ngõ 1Trương Chinh - Thanh Xuân - HN	4 000	4 000	0.08%
41	Nghiêm Thị Quỳnh Nga	012736480	06/08/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	2 899	2 899	0.06%
42	Nguyễn Huy Hải	181137051	14/08/1979	CA Nghệ Tĩnh	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%
43	Nguyễn Cảnh Sáng	011037315	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	7 227	7 227	0.14%
44	Nguyễn Duy Cương	125016861	07/10/2002	CA Bắc Ninh	Xóm Tây - Đọ Xã - Ninh Xã - Bắc Ninh	5 180	5 180	0.10%
45	Nguyễn Hoàng Giang	012189747	16/03/1999	CA Hà Nội	Quý Mông - Yên Thượng - Gia Lâm - Hà Nội	1 945	1 945	0.04%
46	Nguyễn Huy Hoành	012402866	18/02/2001	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
47	Nguyễn Hồng Vinh	011460345	11/07/2004	CA Hà Nội	SN 16 ngõ 32 Tổ 7 Lê Mật - Việt Hưng - LB - HN	5 356	5 356	0.11%
48	Nguyễn Hữu Thành	011297282	29/12/2004	CA Hà Nội	Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh	8 302	8 302	0.17%
49	Nguyễn Khương Duy	010657061	26/04/1979	CA Hà Nội	Tổ 2 - Giang Biên - Long Biên - Hà Nội	3 437	3 437	0.07%
50	Nguyễn Kiều Năng	010657113	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 000	4 000	0.08%
51	Nguyễn Minh Chính	010657222	13/6/2009	CA Hà Nội	Bồ Đề - Gia Lâm - Hà Nội	5 790	5 790	0.12%
52	Nguyễn Minh Thảo	010644386	19/01/2003	CA Hà Nội	Số 18, ngách 670/37 Ngõ Gia Tự Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	3 790	3 790	0.08%
53	Nguyễn Ngọc Lãng	011117493	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 143	4 143	0.08%

54	Nguyễn Ngọc Lưu	012721362	18/06/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	502	502	0,01%
55	Nguyễn Ngọc Minh	011707439	15/3/2008	CA Hà Nội	Số 59 tổ 13B - Phường Thanh Lương - HBT - HN	10 247	10 247	0,20%
56	Nguyễn Ngọc Quyền	121044123	07/03/1988	CA Hà Bắc	Chợ Chiều, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	20 247	20 247	0,40%
57	Nguyễn Quốc Huy	012229259	10/04/2002	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	17	17	0,00%
58	Nguyễn Sỹ Hùng	012556443	16/09/2002	CA Hà Nội	Tổ 1 Thị trấn Đông Anh - Hà Nội (Khu tập thể bệnh viện Đông Anh)	4 161	4 161	0,08%
59	Nguyễn Sỹ Tiến	012756752	30/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	7 727	7 727	0,15%
60	Nguyễn Sỹ Đường	011779120	16/01/1998	CA Hà Nội	xóm 8 xã Thanh Dương - huyện Thanh Chương - Nghệ An	6 468	6 468	0,13%
61	Nguyễn Thanh Hoàn	012967116	19/4/2007	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 028	2 028	0,04%
62	Nguyễn Thanh Mai	012756761	29/12/2004	CA Hà nội	SN 12- Tổ 10 - Trường Lâm - Việt Hưng - HN	9 727	9 727	0,19%
63	Nguyễn Thanh Thuỷ	011460359	05/10/1997	CA Hà Nội	Tổ 9 Phường Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	4 000	4 000	0,08%
64	Nguyễn Thành Ngôn	125007414	25/03/1997	CA Bắc Ninh	1854 Lạc Long Quân - P10-Tân Bình-TP HCM	883	883	0,02%
65	Nguyễn Thắng Lợi	012469655	19/08/2001	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 764	2 764	0,06%
66	Nguyễn Thị Bình	010657339	29/1/2005	CA Hà Nội	Tổ 1 Trường Lâm - Việt Hưng - LBiên - Hà Nội	1 000	1 000	0,02%
67	Nguyễn Thị Bích Hiền	011779161	17/06/1996	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thượng - GLâm - HN	1 891	1 891	0,04%
68	Nguyễn Thị Bích Loan	010657078	23/12/2004	CA Hà Nội	Tập thể nhà máy vật liệu Bưu điện	529	529	0,01%
69	Nguyễn Thị Cường	010651427	29/12/2004	CA Hà Nội	260 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - GLâm - HN	5 000	5 000	0,10%
70	Nguyễn Thị Hoàng Lan	013077727	21/5/2008	CA Hà Nội	TT XN sửa chữa ô tô Bưu điện -Y V- GL - HN	32	32	0,00%
71	Nguyễn Thị Huệ	011044612	15/10/2004	CA Hà Nội	Xóm Mới - Thôn Phú Dục -Phù Đồng - GL- HN	1 000	1 000	0,02%
72	Nguyễn Thị Hà	010646629	07/05/2004	CA Hà Nội	TT Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 247	3 247	0,06%
73	Nguyễn Thị Hoà	012394999	11/11/2000	CA Hà Nội	TT Bệnh Viện Đa Khoa Đức Giang	1 000	1 000	0,02%
74	Nguyễn Thị Hạnh	125026288	15/04/2003	CA Bắc Ninh	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	861	861	0,02%
75	Nguyễn Thị Hồng Hương	011460362	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 9-D2đất đầu giá- Khu đô thị Việt Hưng - LBiên - HN	188	188	0,00%
76	Nguyễn Thị Hồng Thanh	010657346	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 16 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 000	4 000	0,08%
77	Nguyễn Thị Liên	012756755	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thượng - GLâm - HN	4 300	4 300	0,09%
78	Nguyễn Thị Loan	010657408	27/04/1979	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thượng - GLâm - HN	4 066	4 066	0,08%
79	Nguyễn Thị Mai	010496126	29/12/2004	CA Hà Nội	cum 12 Tổ Yên Hà -SN 3 ngách 455/6 Hà Huy Tập - Yviên -HN	7 713	7 713	0,15%
80	Nguyễn Thị Mai Anh	012444475	23/05/2001	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	200	200	0,00%
81	Nguyễn Thị Minh	010657417	22/3/2006	CA Hà Nội	Cum 12 Yên Hà - Yên Viên - Gia Lâm - HN	452	452	0,01%

82	Nguyễn Thị Minh Hà	010657109	16/04/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	3 048	3 048	0.06%
83	Nguyễn Thị Minh Lịch	010657162	30/08/2003	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 898	5 898	0.12%
84	Nguyễn Thị Mạc	010657440	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	2 012	2 012	0.04%
85	Nguyễn Thị Ngọc	010657445	29/12/2004	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
86	Nguyễn Thị Nhiên	010657499	22/03/1993	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	15 449	15 449	0.31%
87	Nguyễn Thị Nhân	011491697	31/5/2006	CA Hà Nội	112 Đường Thiên Đức - Yên Viên - GL - HN	2 051	2 051	0.04%
88	Nguyễn Thị Nhân	011779119	10/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	10 675	10 675	0.21%
89	Nguyễn Thị Năng Xuân	011779162	10/03/1993	CA Hà Nội	SN7 N475- Hà Huy Tập - YViên - GL - HN	1 962	1 962	0.04%
90	Nguyễn Thị Phương	010649800	24/04/1979	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 066	4 066	0.08%
91	Nguyễn Thị Sang	011297270	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
92	Nguyễn Thị Thanh	010657433	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 347	2 347	0.05%
93	Nguyễn Thị Thu Lê	011460346	22/05/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%
94	Nguyễn Thị Thuần	011297290	29/12/2004	CA Hà Nội	324 Bà Triệu - Lê Đại Hành - HBT - HN	4 184	4 184	0.08%
95	Nguyễn Thị Thế	010657387	11/07/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	5 885	5 885	0.12%
96	Nguyễn Thị Tân	010661620	29/12/2004	CA Hà Nội	Liên Đàm - Yên Thượng - GLâm - HN	3 962	3 962	0.08%
97	Nguyễn Tiên Dũng	010646951	30/12/2004	CA Hà Nội	SN 52 Tổ 4 Phúc Tân -Long Biên - HKiểm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
98	Nguyễn Tiên Đức	011031631	07/08/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 060	5 060	0.10%
99	Nguyễn Tá Dậu	010412178	29/12/2004	CA Hà Nội	SN 12- Ngõ 30 phố Hoa Lâm -Long Biên - HN	1 434	1 434	0.03%
100	Nguyễn Việt Thắng	010657312	15/4/2005	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 298	5 298	0.11%
101	Nguyễn Việt Hà	011870115	19/01/2001	CA Hà Nội	480 Hà Huy Tập - Yên Viên - Gia Lâm - HN	1 945	1 945	0.04%
102	Nguyễn Văn Bảy	010646746	15/08/2003	CA Hà Nội	Yên Viên -Yên Viên - GLâm - Hà Nội	1 045	1 045	0.02%
103	Nguyễn Văn Cường	011473951	29/12/2004	CA Hà Nội	Xóm 2 Đồng Viên - Phú Đồng - Gia Lâm - HN	899	899	0.02%
104	Nguyễn Văn Dũng	010630272	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 4 Giang Biên - Long Biên - Hà Nội	4 000	4 000	0.08%
105	Nguyễn Văn Hiền	010646970	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C TT NM Vật liệu Bưu điện	3 940	3 940	0.08%
106	Nguyễn Văn Hoàn	011685455	23/04/1990	CA Hà Nội	Thôn Liên Đàm - xã Yên Thượng - Gia Lâm - HN	5 310	5 310	0.11%
107	Nguyễn Văn Hoà	012527933	06/06/2002	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 691	5 691	0.11%
108	Nguyễn Văn Hải	010657268	22/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 046	4 046	0.08%
109	Nguyễn Văn Lý	121407220	08/07/1999	CA B.Giang	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
110	Nguyễn Văn Sang	010657398	29/12/2004	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 247	4 247	0.08%
111	Nguyễn Văn Sơn	011297269	09/10/2003	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	9 749	9 749	0.19%
112	Nguyễn Văn Thuận	011813699	05/07/2002	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	1 948	1 948	0.04%
113	Nguyễn Văn Tiến	010657118	27/04/1979	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	5 213	5 213	0.10%

114	Nguyễn Văn Toàn	011657326	01/11/1996	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	8 000	8 000	0.16%
115	Nguyễn Văn Đoàn	011986409	18/09/1996	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
116	Nguyễn Xuân Phương	012631198	13/7/2005	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	546	546	0.01%
117	Nguyễn Xuân Trung	012170690	09/09/1998	CA Hà Nội	Phúc Thọ - Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội	3 145	3 145	0.06%
118	Nguyễn Đình Thảo	010657388	15/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	12 577	12 577	0.25%
119	Nguyễn Đình Tuyền	010657010	15/10/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	776	776	0.02%
120	Nguyễn Đình Tài	012416459	11/4/2001	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	7 310	7 310	0.15%
121	Nguyễn Đức Đức	011779142	10/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 281	2 281	0.05%
122	Nguyễn Đức Minh	010667294	08/05/2003	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - HN	5 148	5 148	0.10%
123	Ngô Minh Phương	012463243	19/07/2001	CA Hà Nội	227 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Gia Lâm - HN	400	400	0.01%
124	Ngô Quang Huy	011885040	08/05/1995	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	21	21	0.00%
125	Ngô Thị Hà	010657422	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 370	4 370	0.09%
126	Ngô Thị Hồng	010657291	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - Gia Lâm - HN	4 491	4 491	0.09%
127	Ngô Thị Hồng	010657371	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	6 885	6 885	0.14%
128	Ngô Thị Minh	010657410	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	6 334	6 334	0.13%
129	Ngô Thị Thanh Hương	011900574	23/08/1995	CA Hà Nội	N 376 Tổ 7 Phường Đức Giang - L Biên - HN	50	50	0.00%
130	Ngô Văn Bình	012151038	30/06/1998	CA Hà Nội	Tổ 12-P. Cự Khối - Long Biên - HN	146	146	0.00%
131	Ngô Văn Chính	011297277	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
132	Ngô Xuân Cường	011693757	17/04/1995	CA Hà Nội	Độc Văn - Du Ngoại - Đông Anh - HN	5 749	5 749	0.11%
133	Ngô Đức Linh	011779249	07/07/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 578	1 578	0.03%
134	Phan Thị Hồng	012756741	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	5 609	5 609	0.11%
135	Phan Tất Tráng	010657139	04/01/1997	CA Hà Nội	Đức Giang - Gia Lâm - HN	840	840	0.02%
136	Phan Văn Minh	010614325	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
137	Phó Thị Kim Ngân	013015373	9/11/2007	CA Hà Nội	Số 1 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập - TT Yên Viên - GLâm - HN	300	300	0.01%
138	Phó Thị Xuyên	010657265	30/08/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 815	3 815	0.08%
139	Phùng Thị Lê	010615400	28/01/2002	CA Hà Nội	B19 Tổ 17 Phường Đức Giang - LBiên - HN	2 390	2 390	0.05%
140	Phạm Duy Hưng	012756743	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	75	75	0.00%
141	Phạm Thị Lý	011986370	16/09/1996	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%
142	Phạm Văn Lượng	010657008	30/12/2004	CA Hà Nội	Đông Trù - Đông Hội - Đông Anh - Hà Nội	6 000	6 000	0.12%
143	Phạm Xuân Thơ	010657446	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	4 596	4 596	0.09%
144	Thái Thị Nhung	070657350	05/06/1998	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 500	2 500	0.05%
145	Trương Thị Châu	010656266	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	3 521	3 521	0.07%

146	Trương Trường Thành	012094886	19/01/1998	CA Hà Nội	115 Ngõ 285 - Đồi cấn - Ba Đình - HN	882	882	0.02%
147	Trương Đình Nhật	012631354	24/07/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	11 876	11 876	0.24%
148	Trần Mạnh Tư	010857038	26/04/1979	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	1 373	1 373	0.03%
149	Trần Quang Vinh	010544397	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 2 Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
150	Trần Quốc Tuấn	010651235	11/07/2002	CA Hà Nội	Tổ 9 Phường Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	4 727	4 727	0.09%
151	Trần Thu Huyền	010657377	05/06/1999	CA Hà Nội	Cổng Thôn - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 560	4 560	0.09%
152	Trần Thị Lan	011157118	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 10 - TT T28 Phương Mai - Đống Đa - HN	6 962	6 962	0.14%
153	Trần Thị Ly	010657432	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	2 500	2 500	0.05%
154	Trần Thị Nghi	010657450	13/04/2004	CA Hà Nội	Số 105 - Văn Hương - Đống Đa - Hà Nội	12 373	12 373	0.25%
155	Trần Thị Nhung	010663489	11/05/2001	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
156	Trần Thị Quang	010652918	14/10/1983	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
157	Trần Thị Thanh Mai	011491550	02/6/2006	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
158	Trần Thị Thuý Bình	012491935	07/03/2002	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	6 000	6 000	0.12%
159	Trần Thị Thuý	010657131	29/12/2004	CA Hà Nội	221 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Hà Nội	4 173	4 173	0.08%
160	Trần Thị Tâm	010657370	29/12/2004	CA Hà Nội	1105 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - L Biên - HN	7 000	7 000	0.14%
161	Trần Thị Xuân Thơ	012721062	06/7/2006	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
162	Trần Đăng Vượng	011460342	26/09/2003	CA Hà Nội	Là Cối - Yên Viên - Gia Lâm - HN	673	673	0.01%
163	Trịnh Thu Tuyền	011619732	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 18, ngách 570/37 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	2 078	2 078	0.04%
164	Trịnh Văn Hiền	012229059	28/04/1999	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	500	500	0.01%
165	Tân Thị Thịnh	012100178	04/03/1998	CA Hà Nội	Trùng Quán - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	7 115	7 115	0.14%
166	Tân Văn Trường	010657307	29/12/2004	CA Hà Nội	Quy Mông - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	5 700	5 700	0.11%
167	Ta Đình Hân	012441947	19/05/2001	CA Hà Nội	Khu TT Đầu máy - Là Cối - YViên - GL- HN	4 129	4 129	0.08%
168	Vũ Ngọc Diệp	012572188	19/6/2006	CA Hà Nội	P209 Nhà 7A TT Trường ĐHTLợi - T Liệt- HN	1 500	1 500	0.03%
169	Vũ Quốc Huy	162166803	06/03/1997	CA Nam Định	Tư Đình - Long Biên - Long Biên - Hà Nội	167	167	0.00%
170	Vũ Quốc Thành	164098196	05/09/1998	CA Ninh Bình	Số 73 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - GL - HN	2	2	0.00%
171	Vũ Thị Bích Nhung	010657046	21/04/2001	CA Hà Nội	Yên Thường -Yên Thường - Gia Lâm - HN	8 428	8 428	0.17%
172	Vũ Thị Hoàng Lan	011897788	07/07/1995	CA Hà Nội	SN30 Ngõ 25B Cát Linh - Đống Đa - HN	382	382	0.01%
173	Vũ Thị Mỹ	011460336	29/12/2004	CA Hà Nội	12 N158/25 Nguyễn Sơn - Long Biên - HN	1 290	1 290	0.03%
174	Vũ Việt Thanh	011797487	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
175	Vũ Văn Oanh	011297283	13/11/1998	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - HN	3 428	3 428	0.07%
176	Vũ Đăng Hùng	012229119	27/01/2003	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	832	832	0.02%
177	Vương Mạnh Thanh	011813591	08/11/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 307	2 307	0.05%

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ năm

178	Vương Thị Tú	012756890	28/1/2005	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
179	Đinh Thị Kim Anh	011179208	11/07/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 000	4 000	0.08%
180	Đinh Văn Thắng	011986451	18/09/1996	CA Hà Nội	221 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Hà Nội	2 307	2 307	0.05%
181	Đoàn Minh Hùng	010657372	08/10/1996	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 000	5 000	0.10%
182	Đoàn Thị Vinh	010646546	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	2 500	2 500	0.05%
183	Đàm Thị Bích Phương	010657427	2/12/2005	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	6 500	6 500	0.13%
184	Đàm Thị Chập	010657311	15/01/2003	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 108	3 108	0.06%
185	Đào Nguyễn Xuân	011297293	20/3/2005	CA Hà Nội	Xóm 3 Chử Văn Nội - Đông Anh - Hà Nội	1 000	1 000	0.02%
186	Đào Ngọc Đông	010657161	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C TT NM Vật liệu Bưu điện	4 566	4 566	0.09%
187	Đào Thị Quỳnh Nhung	011843053	15/06/1994	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	1 824	1 824	0.04%
188	Đậu Hải Duyên	012349360	17/05/2000	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	582	582	0.01%
189	Đặng Thị Kim Lan	010648298	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 922	5 922	0.12%
190	Đặng Thị Thanh Hà	012034850	18/06/1997	CA Hà Nội	Số 6 tổ 13B - Phường Thanh Lương - HBT - HN	7 282	7 282	0.15%
191	Đặng Thị Thơm	010649813	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	7 000	7 000	0.14%
192	Đặng Thị Tuyết Minh	010651377	11/07/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	6 727	6 727	0.13%
193	Đặng Thị Vân	010657394	29/12/2004	CA Hà Nội	SN 15 ngõ 475 - Đường Hà Huy Tập - Yên Viên - GLâm - HN	8 885	8 885	0.18%
194	Đặng Tài Viên	011095188	10/10/1996	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
195	Đặng Văn Dê	010657281	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
196	Đặng Văn Thực	010657018	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
197	Đỗ Hoàng Ban	011491766	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	2 000	2 000	0.04%
198	Đỗ Hữu Phẩm	010657093	06/05/1998	CA Hà Nội	Số 29 Khu TT Dược - Đường Đông Quan - Cầu Giấy - Hn	7 735	7 735	0.15%
199	Đỗ Thị Lan Anh	011874748	11/11/2009	CA Hà Nội	SN21- Ngõ 87 Trường Lâm- Đ Giang- LBiên - HN	100	100	0.00%
200	Đỗ Thị Quyên	012756401	01/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 263	3 263	0.07%
201	Đỗ Thị Sơn	010646992	26/04/1979	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
202	Đỗ Thu Thanh	012356610	16/06/2000	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 085	5 085	0.10%
203	Đỗ Thị Thạnh	010657017	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	146	146	0.00%
204	Đỗ Thị Thơ	010646998	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	6 129	6 129	0.12%
205	Đỗ Tiến Bình	125399582	19/4/2007	CA Bắc Ninh	Chợ Chiều, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	42 319	42 319	0.85%
206	Đỗ Việt Tuyền	012871491	4/5/2006	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	647	647	0.01%
207	Đỗ Văn Khoa	010485060	16/06/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 TT-TELVINA

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua việc đăng ký cập nhật thông tin thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TELVINA

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua việc đăng ký cập nhật thông tin thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam phù hợp với các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, như sau:

Tên Chi nhánh đã cập nhật: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN - CHI NHÁNH TỈNH BẮC NINH.**

Đăng ký cập nhật thông tin thay đổi: **CHI NHÁNH BẮC NINH - CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM.**

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hải Vân

BAN KIỂM SOÁT

Số: 19/BC-BKS

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO

**KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015
KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016**

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015 và kế hoạch công tác năm 2016 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2015-2019) của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 bầu gồm 03 thành viên (Ông Nguyễn Hữu Thành, Ông Lương Hoàng và Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà). Ngày 19 tháng 5 năm 2015, các thành viên Ban kiểm soát đã họp bàn phân công nhiệm vụ và bầu ông Lương Hoàng làm Trưởng ban kiểm soát.

Thực hiện Kế hoạch công tác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II, năm 2015 Ban kiểm soát nhiệm kỳ III đã triển khai thực hiện các nội dung công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ và những tồn tại, hạn chế mà BKS nhiệm kỳ II đã kiến nghị cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đối với HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện những tồn tại BKS đã kiến nghị trong Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2015.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Năm 2015, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến khiếu nại, tố cáo bằng văn bản của Cổ đông về các sai phạm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, HĐQT nhiệm kỳ thứ III (2015-2019) đã họp và lấy ý kiến bằng văn bản 05 lần. Trong các phiên họp và lấy ý kiến, HĐQT đã đưa ra các quyết định và chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng sau:

- Bầu ông Trần Hải Vân giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015-2019 kể từ ngày 15/5/2015.
- Hợp bản về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, Đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty và các thủ tục liên quan đến việc đổi tên Công ty.
- Thông qua việc thế chấp tài sản vay vốn Ngân hàng và hạn mức tín dụng của Công ty. Xem xét và thông qua việc ký kết các hợp đồng với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Điện Biên Phủ.
- Quyết định chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015, phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2015 và thông qua việc thanh lý, chuyển nhượng phương tiện vận tải.
- Ban kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Trong các cuộc họp các thành viên tham gia khá đầy đủ và nghiêm túc. Các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đều bám sát vào thực tế hoạt động và được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2 Hoạt động của Tổng Giám đốc

Thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các qui định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ của Công ty.

Năm 2015, Tổng Giám đốc đã đi sâu phân tích những tồn tại dẫn đến sản xuất kinh doanh thua lỗ trong những năm trước và tích cực tìm giải pháp khắc phục để thúc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đề ra các giải pháp thận trọng, hợp lý trong chiến lược sản xuất kinh doanh, đặc biệt là công tác tiêu thụ sản phẩm. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm cụ thể bằng nhiều kênh phân phối, tăng cường công tác giới thiệu sản phẩm.
- Quản lý chặt chẽ giá vốn hàng bán, phân tích giá bán phù hợp cho từng đơn hàng, cân đối tổng hợp các yếu tố giữa các đơn hàng và hạch toán chi tiết cho từng đơn hàng để xác định ngay hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng chiến lược vật tư, cân đối nguồn tiền, mua sắm với số lượng lớn tạo sự cạnh tranh về giá để hạ thấp giá vật tư và đảm bảo sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn.
- Tổ chức lại sản xuất, kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý nội bộ, liên tục tìm mọi biện pháp cải tiến thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí đảm bảo hiệu quả kinh tế.

Kết quả năm 2015, Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp tháo gỡ khó khăn và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm ở mức doanh thu cao, có lợi nhuận, đời sống của người lao động được nâng cao.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được lập đúng thời hạn và phù hợp với các chuẩn mực. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Báo cáo kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015. Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán năm 2015.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2015:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	TH 2015 / KH 2015
1	Giá trị tổng sản lượng	86.000	162.791	189,3%
2	Tổng doanh thu	88.050	176.168	200,1%
3	Nộp ngân sách	8.632	11.974	138,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	500	1.264	252,7%

Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đặt ra, trong đó: giá trị tổng sản lượng đạt 189%; doanh thu đạt trên 200%, lợi nhuận trước thuế tăng gấp 2,5 lần, người lao động có việc làm thường xuyên và đời sống của người lao động được nâng lên rõ rệt. Đây là một thành tích, nỗ lực rất lớn của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ - công nhân viên trong toàn Công ty.

Có được kết quả trên, nguyên nhân chính là Công ty đã kiểm soát được giá vốn hàng bán nhờ làm chủ và cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất lao động.

Biến động chi phí 2015 so với 2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tang/ Giảm
Doanh thu thuần	175.257	80.561	
Giá vốn hàng bán	149.382	81.226	
<i>%/Doanh thu thuần</i>	<i>85,24%</i>	<i>100,83%</i>	<i>-15,6%</i>
Chi phí tài chính	2.696	442	
<i>%/Doanh thu thuần</i>	<i>1,54%</i>	<i>0,55%</i>	<i>1,0%</i>
Chi phí bán hàng	7.679	2.942	
<i>%/Doanh thu thuần</i>	<i>4,38%</i>	<i>3,65%</i>	<i>0,7%</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.995	9.118	
<i>%/Doanh thu thuần</i>	<i>8,56%</i>	<i>11,32%</i>	<i>-2,76%</i>

Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần giảm xuống 85% năm 2015, giảm 15,8 % so với cùng kỳ 2014. Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu cũng giảm 2,76% xuống còn 8,56%. Việc thay đổi mô hình quản lý đã mang lại hiệu quả bước đầu, quản lý tốt hơn các nguồn lực hiện có, đặc biệt là nguồn lực về con người và công nghệ.

3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015:

Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
Kết quả HĐKD		
Doanh thu hoạt động SXKD	175.256.886,865	80.569.821.258
Vốn chủ sở hữu	73.520.830,343	72.257.324.202
Tổng nguồn vốn	133.805.844,247	114.065.089,453
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (%) ROS	0,72%	-16,13%
Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (%) ROE	1,72%	-17,99%
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,56	1,69
Khả năng thanh toán nhanh	0,88	1,06
Khả năng thanh toán tức thời	0,65	0,97
Tài trợ vốn cố định		
Nguồn vốn dài hạn	73.520.830,343	72.257.324,202
Vốn chủ sở hữu	73.520.830,343	72.257.324,202
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	37.880,323,871	42.280,134,320
Tài sản cố định	37.869,148,876	42.095,935,522
Tài sản dài hạn khác	1,174,995	184,198,798
Mức độ đảm bảo vốn cố định	35,640,506,472	29,977,189,882
Chu kỳ sản xuất kinh doanh (ngày)	182	303

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh về quy mô nhờ mở rộng thị phần thông qua đa dạng hóa các kênh bán hàng. cụ thể: so với cùng kỳ 2014, doanh thu tăng 117%, tổng nguồn vốn tăng 17,3%.

Bên cạnh mở rộng thị phần, việc công ty đẩy mạnh công tác nghiên cứu nhằm làm chủ công nghệ và nâng cao năng suất lao động là nhân tố chính giúp công ty tiết kiệm chi phí, bắt đầu kinh doanh có lãi. tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu và lợi nhuận/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,72% và 1,72%.

Để mở rộng doanh thu, Công ty tăng nguồn vốn vay ngắn hạn, tuy nhiên vẫn đảm bảo mức cân đối vốn an toàn, mức độ đảm bảo vốn cố định ở mức 35,6 tỷ (không sử dụng vốn ngắn hạn tài trợ cho tài sản dài hạn).

Khả năng thanh toán ngắn và dài hạn đều ở mức an toàn.

Công ty cũng rút ngắn được chu kỳ sản xuất từ 303 ngày/chu kỳ xuống còn 182 ngày/chu kỳ. Việc rút ngắn được chu kỳ sản xuất không chỉ cho thấy công ty bán hàng tốt hơn, công tác quản lý tài sản ngắn hạn (hàng tồn kho, phải thu...) cũng hiệu quả hơn.

4. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015:

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 cho thấy Công ty không chỉ đang tăng trưởng tốt về quy mô (sản lượng, doanh thu) mà còn ngày một hoạt động hiệu quả hơn, có khả năng sinh lời tốt, nâng cao năng suất lao động, quản lý tốt hơn tài sản ngắn và dài hạn, nguồn vốn cân đối, có khả năng thanh toán tốt trong ngắn và dài hạn.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sau ĐHĐCĐ thường niên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã tích cực tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn. Một mặt củng cố lại Công ty, mặt khác phải cải tiến tăng năng suất lao động, cắt giảm chi phí, thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đặc biệt là công tác tiêu thụ sản phẩm nhằm thực hiện tốt các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả doanh thu cao, đời sống người lao động ổn định, đã có lợi nhuận nhưng vẫn chưa bù đắp được nhiều so với số lỗ lũy kế, cổ đông vẫn chưa có cổ tức.

Ban Kiểm soát kiến nghị như sau:

- HĐQT và Tổng Giám đốc tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2015, chỉ đạo Công ty tăng cường công tác tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường hoạt động, phát triển thêm sản phẩm mới.
- Thực hiện tốt hơn nữa công tác mua sắm vật tư, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, bán hàng tồn kho, trích lập dự phòng đầy đủ, tăng hiệu quả sử dụng vốn trong toàn Công ty.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2016

Năm 2016 Ban kiểm soát tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo qui định, trọng tâm vào các tồn tại, hạn chế mà Ban kiểm soát đã kiến nghị.

Một số công việc cụ thể như sau:

1. Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
2. Định kỳ hàng quý sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích đánh giá hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo tài chính;
3. Kiểm soát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

Trên đây là Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2015 và Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016. Ban kiểm soát kính trình Quý cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn!

**T.M BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu HS Đại hội.



NGUYỄN HỮU THÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *41* /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

TỜ TRÌNH

V.v đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viện thông Telvina Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viện thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 danh sách các Công ty kiểm toán có chức năng kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết, gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC;
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
5. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua danh sách các công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ các tiêu chí chất lượng, uy tín đơn vị, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty, để chọn một công ty kiểm toán trong danh sách trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2016 cho Công ty cổ phần Viện thông Telvina Việt Nam.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét và quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP VIỆN THÔNG TELVINA VN



Nguyễn Hữu Thành

BẢN DỰ THẢO QUY CHẾ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Quy chế biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được thực hiện theo các nội dung dưới đây:

Điều 1: Đối tượng thực hiện biểu quyết:

- Cổ đông và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam diện có tên trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 chốt ngày 16/3/2016.

Điều 2: Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: Thông qua Quy chế biểu quyết; Giới thiệu phiếu biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 3: Phiếu biểu quyết:

1. Phát phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết là phiếu để biểu quyết thông qua, phê chuẩn các nội dung của Đại hội và sẽ do Ban tổ chức phát cho mỗi cổ đông (hoặc đại diện) khi đăng ký có mặt tham dự họp (Phiếu biểu quyết theo mẫu in sẵn của Công ty).

2. Nội dung phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết được in trên giấy màu Trắng. Trên phiếu biểu quyết có ghi tên cổ đông hoặc đại diện, mã số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông (hoặc đại diện) biểu quyết (số quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ, tỷ lệ: 1 cổ phần = 1 quyền biểu quyết).
- Trên lá phiếu biểu quyết có nội dung biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội, có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

3. Cách ghi phiếu biểu quyết:

- Cổ đông (hoặc đại diện) đánh dấu gạch chéo "X" vào một (01) trong ba (03) ô để trống (trong phần ý kiến biểu quyết) đối với từng vấn đề đưa ra nghị quyết bằng một trong ba

quan điểm sau: Nếu cổ đông đồng ý, thì đánh dấu vào ô “đồng ý”: Nếu cổ đông không đồng ý, thì đánh dấu vào ô “không đồng ý”: Nếu cổ đông không có ý kiến, thì đánh dấu vào ô “không có ý kiến”.

4. Các trường hợp phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có dấu Công ty; Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu vào phiếu biểu quyết; Phiếu không còn nguyên vẹn; Phiếu để trống cả ba (03) ô; Phiếu đánh dấu vào hai (02) hoặc ba (03) ô.

Điều 4: Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát:

1. Phát phiếu bầu:

- Phiếu bầu là phiếu để biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Ban kiểm phiếu phát cho mỗi cổ đông (hoặc đại diện) ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên.

2. Nội dung phiếu bầu:

- Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát được in trên giấy mẫu Hồng.
- Trên phiếu bầu có phần 1: thể hiện Mã số cổ đông, Tên cổ đông hoặc đại diện, Tổng số cổ phần, Tổng số phiếu bầu. Một phiếu bầu thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ; phần 2: Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

3. Cách ghi phiếu bầu:

- Cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông có thể ký tên và ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu.

4. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có dấu của Công ty; Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu vào phiếu bầu; Phiếu không còn nguyên vẹn. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

Điều 5: Phương thức biểu quyết và quy định thông qua quyết định của Đại hội

- Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung hợp và bầu thay thế 01 thành viên Ban Kiểm soát thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Riêng biểu quyết bầu cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm sở hữu và ủy quyền) của cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Tổng số phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của Cổ đông x 1 (1 là số lượng thành viên bầu vào Ban Kiểm soát). Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý. Riêng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: Nguyên tắc trúng cử thành viên Ban kiểm soát

- Ứng cử viên phải có tỷ lệ phiếu bầu hợp lệ đạt $\geq 65\%$. Ví dụ: Tỷ lệ phiếu bầu = Tổng số phiếu được bầu cho ứng cử viên/ tổng số cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền $\times 100\%$, tỷ lệ này phải $\geq 65\%$.
- Ứng cử viên trúng cử được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.
- Trường hợp số lượng bầu không đủ thì Công ty sẽ tiến hành bầu bổ sung vào kỳ Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.

Điều 7: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
- Nội dung biên bản kiểm phiếu biểu quyết bao gồm: tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, số và tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý, phiếu biểu quyết không đồng ý và phiếu biểu quyết không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết, kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8:

- Những khiếu nại về việc biểu quyết và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Bản Dự thảo Quy chế này gồm 8 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Hải Vân

**PHIẾU TỰ ỨNG/ĐỀ CỬ VÀO BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Tôi tên là: ngày sinh:/...../....., nơi sinh:

Quốc tịch: địa chỉ thường trú:

Số CMND/Passport: ngày cấp:/...../..... tại:

Điện thoại: fax: e-mail:

Là cổ đông ☐ Phó thông ☐ Sở hữu:CP¹⁾ tương đương% tổng số cổ phần²⁾

Sáng lập ☐ Sở hữu:CP tương đương% tổng số cổ phần

Là nhóm cổ đông ☐ Sở hữu:CP tương đương% tổng số cổ phần

Đại diện các cổ đông có tên sau đây:

1.
2.
3.
4.
5.
6.

Xin được đề nghị đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 như sau:

I. Cá nhân tự ứng cử vào Ban Kiểm soát: ☐

1.

II. Đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát: ☐

1.
2.
3.
4.
5.

Xác nhận hợp lệ của Ban Kiểm soát Công ty ngày tháng năm 2016

Cổ đông/Đại diện nhóm cổ đông
(kí, ghi rõ họ và tên)

Lưu ý:

Phiếu này chỉ có giá trị hợp lệ khi Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (Yên Viên-Gia Lâm-Hà Nội) nhận được trước 16h00 ngày 13/4/2016 bằng thư hoặc trực tiếp, hoặc Fax: 04.38780023. Phiếu tự ứng/đề cử ban chính phải được cung cấp cho Ban tổ chức trước thời điểm bắt đầu Đại hội.

¹⁾ CP: cổ phần,

²⁾ % tổng số cổ phần là: tỷ lệ % số cổ phần của cổ đông trên tổng số cổ phần phổ thông Công ty (Tổng số cổ phần phổ thông của Công ty: 4.940.000 cổ phần).

THÔNG TIN CÁ NHÂN ỨNG CỬ VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

I. Bản thân:

1. Họ tên:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Tên thường dùng:
4. Bí danh:
5. Nguyên quán:
6. Quốc tịch:
7. Hộ khẩu thường trú:
8. Chỗ ở hiện nay:
9. Số CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
10. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:
11. Trình độ ngoại ngữ:
12. Nơi công tác hiện nay:
13. Chức vụ:

II. Quá trình công tác (ghi rõ công việc đã đảm nhiệm, nơi công tác, chức vụ nắm giữ):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Là cổ đông Phổ thông ☐ Sở hữu:.....cổ phần, tương đương.....% tổng số cổ phần phổ thông¹⁾
Sáng lập ☐ Sở hữu:.....cổ phần, tương đương.....% tổng số cổ phần phổ thông¹⁾

Tôi cam kết tất cả những thông tin được cung cấp nêu trên là sự thật và chính xác. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân về những thông tin đã cung cấp này.

Xin trân trọng cảm ơn.

.....ngày.....tháng.....năm 2016

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Thông tin này chỉ có giá trị hợp lệ khi Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam nhận được trước 16:00 ngày 15-1-2016 bằng thư hoặc trực tiếp (Yên Viên-Gia Lâm-Hà Nội), hoặc Fax: 04.38780023, ban chính phải được cung cấp cho Ban tổ chức trước thời điểm bắt đầu Đại hội.

Ứng cử viên phải gửi kèm theo Ban thông tin cá nhân này Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn (bản sao công chứng hoặc chứng thực + 02 bộ).

"%" tổng số cổ phần; tỷ lệ "%" số cổ phần của cổ đông trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty (Tổng số cổ phần phổ thông của Công ty: 4.940.000 cổ phần).

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

Hôm nay, ngày .../.../2016, tại.....chúng tôi là những Cổ đông của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam cùng nhau nắm giữ.....cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, chiếm% ⁽¹⁾ số cổ phần phổ thông của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

S T T	Họ và Tên	Số CMND	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu/đại diện	Ký tên
	Tổng số CP				

cùng nhất trí đề cử:

Ông/Bà.....
Số CMND/HC:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn:.....chuyên ngành.....
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....
làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam nhiệm kỳ 2015-2019.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông/Bà.....
Số CMND/HC:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn:.....chuyên ngành.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần (bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2015-2019) của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm.

Biên bản này được lập vào lúc.....giờ, ngày...../...../2016 tại.....

Xin trân trọng cảm ơn.

.....ngày.....tháng.....năm 2016

Đại diện nhóm Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Biên bản này chỉ có giá trị hợp lệ khi Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (Yên Viên-Gia Lâm-Hà Nội) nhận được trước 16h00' ngày 13/4/2016 bằng thư hoặc trực tiếp, hoặc Fax: 04.38780023. Biên bản bản chính phải được cung cấp cho Ban tổ chức trước thời điểm bắt đầu Đại hội.

⁽¹⁾ Tổng số cổ phần phổ thông của Công ty: 4.940.000 cổ phần.

